

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2023

V/v: “Ly hôn giữa chị X và anh Đ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Bình
Ông Phạm Văn Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Trần Thị
Tĩnh – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Lệ X, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 12, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Cao Thị Lệ X trình bày: Chị và anh Lê Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định ngày 17 tháng 01 năm 2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách khác biệt, môi trường công việc khác nhau vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã không tin tưởng lẫn nhau. Chị và anh Đ đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn Đ tỵ, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 26/11/2013 và Lê Ngọc D, sinh ngày 17/3/2018. Hiện nay, cả hai con chung đều đang ở cùng với

chị. Khi ly hôn, chị muốn nuôi cả 2 con và không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cho chị.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/4/2023, bị đơn anh Lê Văn Đ trình bày: Anh và chị Cao Thị Lệ X kết hôn năm 2013 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng anh ly thân. Nay chị Cao Thị Lệ X muốn ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: vợ chồng anh có 2 con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 26/11/2013 và Lê Ngọc D, sinh ngày 17/3/2018. Hiện nay, cả hai con chung đều đang ở cùng với chị X. Khi ly hôn anh đồng ý để chị X tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Về đường lối giải quyết:

Căn cứ điều 51, 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cao Thị Lệ X; Xử cho ly hôn giữa chị Cao Thị Lệ X và anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Cao Thị Lệ X trực tiếp nuôi con là Lê Ngọc M, sinh ngày 26/11/2013 và Lê Ngọc D, sinh ngày 17/3/2018. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X về việc anh Lê Văn Đ không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X và anh Đ có quyền thăm nom con chung.

3. Về án phí DSST: chị X phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn;

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Cao Thị Lệ X và anh Lê Văn Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Cao Thị Lệ X và anh Lê Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định ngày 17 tháng 01 năm 2013; Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, giữa chị X và anh Đ chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng với nhau về quan điểm, tính cách. Từ năm 2020 đến nay chị X và anh Đ ly thân, hai bên không gặp gỡ để tìm biện pháp hàn gắn Đ tụ.

Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh Đ nhất trí.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Cao Thị Lệ X và anh Lê Văn Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không tìm được biện pháp hàn gắn Đ tự nên nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân không đạt được; Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị Lệ X đối với anh Lê Văn Đ.

[5] Về nuôi con chưa thành niên khi ly hôn: Chị Cao Thị Lệ X và anh Lê Văn Đ có 2 con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 26/11/2013 và Lê Ngọc D, sinh ngày 17/3/2018. Hiện nay, cả hai con chung đều đang ở cùng với chị X. Cháu Lê Ngọc M có đơn đề nghị được ở cùng chị X. Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng, đề nghị của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị X đề nghị tiếp tục nuôi 2 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ nhất trí để 2 con cho chị X nuôi khi vợ chồng ly hôn. Do vậy đề nghị của chị X, anh Đ là phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi ly hôn tiếp tục giao con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 26/11/2013 và Lê Ngọc D, sinh ngày 17/3/2018 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

[6] Về tài sản: Chị Cao Thị Lệ X và anh Lê Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Cao Thị Lệ X phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị Lệ X, anh Lê Văn Đ được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho ly hôn giữa chị Cao Thị Lệ X và anh Lê Văn Đ

2. *Về nuôi con chung chưa thành niên:* Giao hai con chung Lê Ngọc M, sinh ngày 26/11/2013 và Lê Ngọc D, sinh ngày 17/3/2018 cho chị Cao Thị Lệ X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh Lê Văn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung. Anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Cao Thị Lệ X phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 00004931 ngày 17 tháng 4 năm 2023.

3. *Về quyền kháng cáo*: Chị Cao Thị Lệ X, anh Lê Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản
- VKSND, tỉnh, huyện: 02 bản
- Chi cục THA huyện N: 01 bản
- UBND xã N: 01 bản
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, Lưu VP

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thọ